TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1328/2025/DS-PT
Ngày: 26/9/2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 799/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4894/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16101/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ B, khu phố B, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lương Văn S, sinh năm 1956;

2. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1960;

3. Ông Lương Trí T, sinh năm 1983; có mặt.

4. Bà Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: tổ B, khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Bà Huỳnh Phi Y, sinh năm 1995; địa chỉ: số D đường P, tổ G, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 29/9/2022 và ngày 17/01/2025); có mặt.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2018, bà Võ Thị Hồng N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.853,9m^2 thuộc các thửa 959, 960 cùng tờ bản đồ số 52 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương của vợ chồng ông Lương Văn S và bà Nguyễn Ngọc L. Khi nhận chuyển nhượng đất, bà N xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của hộ ông S, bà L số vào sổ CH00339, số phát hành BB555714 do UBND huyện T cấp ngày 23/8/2010 thì thấy phía Bắc 02 thửa đất số 959, 960 có con đường đất có quy cách chiều ngang khoảng 05m, chiều dài từ thửa 959, 960 nối ra đến đường ĐT747. Do thấy có con đường như trên nên bà N mới đồng ý nhận chuyển nhượng 1.853,9m^2 thuộc hai thửa đất số 959, 960 của ông S, bà L.

Sau khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà N nộp hồ sơ đăng ký và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS08293 ngày 29/11/2018 đối với hai thửa đất 959, 960, tờ bản đồ số 52 tại phường U mang tên Võ Thị Hồng N. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện đường đất (cụt) tại cạnh hướng Bắc của hai thửa đất.

Tuy nhiên, các ông bà Nguyễn Hoàng A, Trương Thị S1, Bùi Văn Q lấn chiếm đoạn đường đất công cộng từ đường ĐT747 vào đến hết thửa đất của ông S, bà L nên các chủ sử dụng đất liền kề với ông S, bà L (là bà Trần Thị N2) phát sinh tranh chấp đoạn đường đất này với bà A, bà S1 và ông Q. Do lối đi tranh chấp bị bà A, bà S1 và ông Quỳnh R lại nên bà N không có lối đi nào vào hai thửa đất số 959, 960 mà bà N đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông S, bà L.

Trước sự việc đó, hộ ông S, bà L có thỏa thuận mở một lối đi khác cho bà N đi từ phần đất của bà N (thuộc thửa 959, 960) dọc theo thửa đất số 875, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 03, tờ bản đồ số 54 của ông S, bà L ra đến đường ĐT747. Việc thỏa thuận này có lập văn bản ngày 05/9/2018. Theo văn bản này thì gia đình ông S, bà L đồng ý mở cho bà N một lối đi chiều ngang 04m, chiều dài từ phần đất của bà N (hướng Nam thửa 959, 960) dọc theo thửa đất số 875 của hộ ông S, bà L ra đến đường ĐT747. Thời gian bà N được sử dụng lối đi này từ khi hai bên ký văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2018 cho đến khi vụ án tranh chấp lối đi với bà A, bà S1 và ông Q được giải quyết xong.

Thời gian gần đây, bà N được biết ông S, bà L có ý định chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 875 và thửa đất số 03 (hiện tại được hợp thành thửa 1459) bao gồm cả lối đi đã chừa cho bà N theo thỏa thuận ngày 05/9/2018. Bà N đã nhiều lần gặp ông S, bà L yêu cầu cho bà N tiếp tục sử dụng lối đi nêu trên nhưng ông S, bà L, ông T, bà N1 không đồng ý. Ngày 18/01/2022, bà N có đơn yêu cầu UBND phường U hòa giải theo hướng các bên đã thỏa thuận ngày 05/9/2018 cho đến khi tranh chấp lối đi phía Bắc phần đất ông S, bà L được giải quyết xong nhưng phía gia đình ông S không hợp tác, vắng mặt, do đó UBND phường lập biên bản không hòa giải được vào các ngày 03/3/2021 và ngày 07/4/2022. Ngoài ra, vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi giữa bà Trần Thị N2 với bà A, bà S1, ông Q đã được giải quyết xong bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Điều này đồng nghĩa với việc từ phần đất của bà N (thuộc thửa 959, 960) không còn lối đi nào ra đường ĐT747.

Do đó, bà Võ Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lương Văn S, bà Nguyễn Ngọc L, ông Lương Trí T và bà Nguyễn Ngọc N1 phải tháo dỡ miếu thờ có diện tích 5,7m^2 trên phần lối đi đang tranh chấp và phải có nghĩa vụ mở lối đi chung qua thửa số 1459, tờ bản đồ số 52 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Lương Trí T ngày 21/10/2022, chiều ngang lối đi 4m, tổng diện tích đất 518,5m^2, ký hiệu các đỉnh điểm tọa độ lối đi từ 1 đến 18 trong Mảnh trích lục địa chính ngày 04/4/2025 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp cho Tòa án. Bà N không có trách nhiệm bồi hoàn giá trị đối với diện tích đất thuộc lối đi và tài sản trên đất nêu trên.

- Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Năm 2018, hộ ông Lương Văn S có chuyển nhượng cho bà Võ Thị Hồng N diện tích 1.853,9m^2 thuộc thửa đất số 959, 960 tờ bản đồ số 52 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên. Tại cạnh hướng Bắc của thửa đất 959, 960 có thể hiện đường đất (cụt) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, khi ông S, bà L chuyển nhượng đất cho bà N thửa 959, 960 thì bà N có xin cho đi nhờ trên phần đất của ông T thuộc thửa đất số 875 tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 03 tờ bản đồ số 54 tại phường U (nay được điều chỉnh thành thửa 1459, tờ bản đồ số 52). Việc thỏa thuận như bà N trình bày là vì tình cảm nên cho bà N đi nhờ chứ không phải là lối đi chung. Bà N lợi dụng việc cho đi nhờ trên thửa đất số 875 và thửa số 03 nên tiến hành khai thác đất ngày đêm gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bị đơn, gây thiệt hại cây trồng, nhà cửa, tường rào nhà của bị đơn nhưng bà N không khắc phục. Ông S, bà L, ông T, bà N1 có cho bà N đi trên thửa đất số 875 tờ bản đồ số 52 và thửa số 03 tờ bản đồ số 54 là đi nhờ một thời gian và đây không phải là lối đi công cộng. Ngoài ra, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì trên thửa đất số 875 và thửa 03 (nay được điều chỉnh thành thửa 1459) không có lối đi công cộng nào như bà N trình bày.

Việc thỏa thuận đường đi như biên bản thỏa thuận đường đi ngày 05/9/2018 đã được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật giữa bà Trần Thị N2 với bà Nguyễn Hoàng A, bà Trương Thị S1, ông Bùi Văn Q nên giá trị của văn bản

này không còn nên đề nghị Tòa án điều tra, xem xét có việc có lối đi chung hay không như việc xác định và yêu cầu của bà N để quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N đối với bị đơn ông Lương Văn S, bà Nguyễn Ngọc L, ông Lương Trí T, bà Nguyễn Ngọc N1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung.

1.1. Buộc ông Lương Văn S, bà Nguyễn Ngọc L, ông Lương Trí T, bà Nguyễn Ngọc N1 phải tháo dỡ miếu diện tích 5,7m^2 và phải có nghĩa vụ mở lối đi cho bà Võ Thị Hồng N với diện tích đất 382,8m^2 trên phần đất thuộc thửa đất số 1459, tờ bản đồ số 52 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS13045 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 21/10/2022 cho ông Lương Trí T để làm lối đi ra đường công cộng (Vị trí A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề đối với phần đất nêu trên theo quy định tại Điều 29 Luật đất đai năm 2024, Điều 40 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

1.2. Buộc bà Võ Thị Hồng N có trách nhiệm đền bù, bồi thường cho ông Lương Văn S, bà Nguyễn Ngọc L, ông Lương Trí T, bà Nguyễn Ngọc N1 số tiền 5.184.288.960 đồng (*Năm tỷ một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo Quyết định phân công Hội thẩm nhân dân và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Hội thẩm nhân dân được phân công tham gia xét xử là ông

Tống Văn T1 và ông Nguyễn Văn T2. Tuy nhiên, tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử Hội thẩm nhân dân là ông Huỳnh Sơn T3 và ông Nguyễn Quốc D. Việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử mà không có quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 56 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Võ Thị Hồng N là người sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất có diện tích 1.853,9m², thuộc các thửa đất số 959 và 960, tờ bản đồ số 52 tại phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 019410, số vào sổ cấp GCN: CS08293 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2018. Nguồn gốc đất do bà N nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bị đơn là ông Lương Văn S và bà Nguyễn Ngọc L theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/10/2018. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N, phần ranh giới phía Bắc của hai thửa đất này có thể hiện một con đường đất (đường cụt).

[3] Bà N cho rằng con đường đất cụt ở phía Bắc thửa đất hiện nay không còn tồn tại. Để chứng minh phần đất của mình không có lối đi nào khác, bà đã cung cấp các chứng cứ sau: Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên; Bản án dân sự phúc thẩm số 228/2022/DS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Biên bản thỏa thuận đường đi ngày 05/9/2018. Bà N yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ mở lối đi vào phần đất đã chuyển nhượng cho bà và bà không phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

[4] Xét, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thẩm định tứ cận thửa đất 959, 960 của nguyên đơn; không thẩm định, xác minh làm rõ tình trạng con đường đất ở cạnh phía Bắc (được cho là đã mất hiện trạng) cũng như không xác định hiện trạng đường đất cụt bị mất hiện trạng ai đang quản lý, sử dụng phần đất này. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên và Bản án dân sự phúc thẩm số 228/2022/DS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để nhận định không có đường đất là lối đi chung kéo dài từ đường ĐT-747 đến thửa 521 là không đúng với nội dung của hai bản án nêu trên. Cụ thể, tại Bản án dân sự phúc thẩm có nhận định: "Theo biên bản xác minh ngày 16/12/2021 (bút lục 435), UBND phường U xác định: Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2017 của UBND phường U có nội dung: *"Nguyên nhân một phần đường đất hướng Đông Bắc giáp thửa 521 tờ bản đồ 52 không còn tồn tại là do sai lệch bản đồ trong quá trình thành lập bản đồ địa chính, còn một phần giáp thửa 528 tờ bản đồ số 52 là giáp đường đất đến giáp đường ĐT 747 là đúng theo hiện trạng", nội dung xác nhận tại biên bản này là đúng thực tế vì tại thời điểm UBND phường xác minh thì hiện trạng con đường đất giáp thửa 521 tại hướng Đông Bắc có tồn tại nhưng chỉ kéo dài từ đầu đường ĐT 747 đến giáp thửa 954, còn từ thửa 954 kéo vào trong có đường hay không thì địa phương không xác định được, chiều ngang đường đất kéo dài từ đầu đường ĐT 747 đến thửa 954 có chiều ngang tại thời điểm xác minh là 02m, hiện trạng hiện nay vẫn không thay đổi".*

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ lối đi từ thửa 954 đến các thửa đất số 959, 960 của bà N có còn tồn tại hay không. Đồng thời, Tòa án cũng không xác

minh làm rõ lối đi rộng 2m này đến phần đất của bà N là bao nhiêu mét và có đi qua đất của chủ sử dụng nào khác không. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N có lối đi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ nguyên nhân con đường bị mất hiện trạng, là do kết quả của việc điều chỉnh quy hoạch của Nhà nước hay do hành vi lấn chiếm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề nêu trên mà đã nhận định đất của bà N bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề và không có lối đi nào khác là chưa đủ căn cứ.

[5] Quyền sử dụng đất của bà N có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bị đơn. Nguyên đơn cho rằng ông S, bà L, ông T, bà N1 có lập biên bản thỏa thuận đường đi ngày 05/9/2018; ông S, bà L có ký kết giấy mượn tiền ngày 29/8/2018 và giấy đặt cọc ngày 05/9/2018. Bà N cho rằng các văn bản trên có liên quan đến việc thỏa thuận chừa đường đi cho mình, do đó bà không có trách nhiệm bồi hoàn giá trị đối với diện tích đất thuộc lối đi và tài sản trên đất tranh chấp.

Xét, tại biên bản thỏa thuận đường đi ngày 05/9/2018 có nội dung: "*ông Lương Văn S, ông Lương Trí T, bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc N1" cùng thống nhất đường đi chiều ngang 4m, chiều dài đến cuối đất cho bà Võ Thị Hồng N sử dụng chung. Thời gian sử dụng cho đến khi đường đất trên thửa đất bán cho bà giải quyết xong. Khi đó bà N sẽ sử dụng đường đi bán cho bà, không sử dụng lối đi này nữa*".

Giấy đặt cọc ngày 06/9/2018 có nội dung: "…*bà Võ Thị Hồng N đặt cọc tiền mua đất cho ông Lương Văn S, bà Nguyễn Ngọc L số tiền 900.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi làm thủ tục sang tên mua bán tại Văn phòng công chứng*…" và Giấy mượn tiền đề ngày 29/8/2018 có nội dung: *"... Lương Văn S và vợ Nguyễn Ngọc L có nhận của chị Võ Thị Hồng N số tiền là 300.000.000 đồng. Tôi có bán cho chị Ú 1 miếng đất diện tích 1.670m^2 với số tiền 2.150.000.000 đồng, tôi sẽ ủi cái đường với lấy cột mốc cái mả, tôi sẽ lo cho chị Ú ra sổ đỏ, chi phí tôi sẽ lo cho chị Ú ..."*.

Quá trình tố tụng, bà N và bà S xác định hai bên chỉ tồn tại một giao dịch chuyển nhượng theo hợp đồng ngày 29/10/2018. Như vậy, các nội dung văn bản trên có thỏa thuận về đường đi, Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất, làm rõ lối đi 04m, lối đi bị đơn cam kết ủi đường cho bà N là vị trí nào, giá hai bên thỏa thuận bao gồm lối đi không và thỏa thuận chừa lối đi trong trường hợp đường đất thể hiện tại thửa 959, 960 mà bị đơn đã chuyển nhượng cho nguyên đơn không có thì quyền về lối đi của bà N như thế nào để xem xét có đền bù hay không đền bù trong trường hợp đường đi đã được cập nhật tại giấy chứng nhận của bà N mà cơ quan có thẩm quyền xác định đã được điều chỉnh không còn tồn tại.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng và thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Do đó kháng cáo nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Hồng N.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2025/DS-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Hồng N không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (15), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết